TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 05/12/2025.
Về việc: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Nguyễn Văn Đoạt

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa****:* Không.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp Sơn Hòa, xã HĐ, tỉnh AG(Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Trương Minh Đ**, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp Vàm Biển, xã HĐ, tỉnh AG (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau sau đó được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016. Sau đó anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/10/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng một vài năm gần đây giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng

nói chung, dẫn đến thường xuyên cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và cũng không thể hàn gắn được nên chị Tiền yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh Đ.

- *Về con chung:* Chị Tiền xác định chị và anh Đăng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Tiền xác định chị và anh Đăng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

**** Tại phiên tòa bị đơn anh Trương Minh Đ trình bày như sau:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trương Minh Đ và chị Lê Thị Thanh T cưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 18/10/2016 là đúng. Quá trình chung sống với nhau giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân với nhau, trong thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị Tiền yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý vì không thể hàn gắn được.

- Về con chung: Anh Đăng xác định anh và chị Tiền không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đăng xác định anh và chị Tiền không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện chị Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Trương Minh Đ. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trương Minh Đ có nơi cư trú tại ấp Sơn Hòa, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T và bị đơn anh Trương Minh Đ vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết (HĐXX) định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau, sau

đó tiến đến hôn nhân, được hai bên gia đình thống nhất tổ chức lễ cưới vào năm 2016, anh chị có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long Điền Đông A, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102/2016 ngày 18/10/2016. Như vậy, hôn nhân giữa chị Tiền và anh Đăng là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo đơn khởi kiện chị Lê Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Trương Minh Đ. Tại bản tự khai đề ngày 24/11/2025 anh Trương Minh Đ trình bày quá trình chung sống giữa anh và chị Tiền có phát sinh mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân với nhau và anh cũng đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Thanh T. Do đó căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ.

[3.2] *Về quan hệ con chung:* Quá trình chung sống chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ xác định anh chị không có con chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung:* Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Lê Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

- Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ thuận tình ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ xác định anh chị không có con chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Minh Đ xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007404 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Lê Thị Thanh T không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- Phòng THA khu vực 4 – An Giang;
- UBND xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn An